

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/DS-PT
Ngày: 03 – 3 -2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự -
hủy và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên.

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Thủy

Ông Phạm Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự - hủy và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm M

Địa chỉ: Khu V, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 02 năm 2025.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Phú H1 (tên gọi khác: Hải C), sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Ngọc H (có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Diễm M1) trình bày:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc H yêu cầu bị đơn Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P cùng có nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể như sau:

1/ *Về tiền hụi:* Từ năm 2014-2015, ông H1 và bà P có tham gia tổng cộng 08 dây hụi do bà H làm chủ. Cụ thể như sau:

- Dây 1: Mở 25/10/2014 âm lịch, gồm 22 phần, bị đơn tham gia 01 phần, hụi tháng 1.000.000 đồng, do ông H1 (H) đứng tên (số thứ tự 17), hót đầu, sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 12.940.000 đồng. Dây này còn nợ lại 05 lần chưa đóng tương ứng 5.000.000 đồng.

- Dây 2: Mở 25/10/2014 âm lịch, gồm 22 phần, ông H1 Chuối đứng tên 01 phần (số thứ tự 10), mua lại từ bà Đ 01 phần (số thứ tự 9), hụi tháng 2.000.000 đồng, đã hót lần 2 sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 26.500.000 đồng và hót lần 4 sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 29.840.000 đồng. Dây này còn nợ lại mỗi phần số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng còn nợ số tiền 20.000.000 đồng.

- Dây 3: Mở 01/4/2015 âm lịch, gồm 22 phần, ông Hải C đứng tên 01 phần (số thứ tự 9), hụi tháng 1.000.000 đồng, hót đầu, sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 12.520.000 đồng. Dây này còn nợ lại 10 lần chưa đóng tương ứng số tiền 10.000.000 đồng.

- Dây 4: Mở 01/4/2015 âm lịch, gồm 21 phần, ông Hải C đứng tên 01 phần (số thứ tự 5), hụi tháng 2.000.000 đồng, hót đầu, sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 25.400.000 đồng. Dây này còn nợ lại 09 lần chưa đóng tương ứng số tiền 18.000.000 đồng.

- Dây 5: Mở 06/3/2015 âm lịch, gồm 22 phần, ông H1 Chuối đứng tên 01 phần (số thứ tự 18), hụi tháng 3.000.000 đồng, hót lần thứ 13, sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 36.300.000 đồng. Dây này còn nợ lại 09 lần chưa đóng tương ứng số tiền 27.000.000 đồng.

- Dây 6: Mở 10/4/2015 âm lịch, gồm 20 phần, ông Hải C đứng tên 01 phần (số thứ tự 16), hụi tháng 2.000.000 đồng, hót lần thứ 3, sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 20.030.000 đồng. Dây này còn nợ lại 10 lần chưa đóng tương ứng số tiền 20.000.000 đồng.

- Dây 7: Mở 10/4/2015 âm lịch, gồm 20 phần, ông H1 Chuối đứng tên 01 phần (số thứ tự 18), hụi tháng 1.000.000 đồng, hốt lần thứ hai, sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 12.560.000 đồng. Dây này còn nợ lại 08 lần chưa đóng tương ứng số tiền 8.000.000 đồng.

- Dây 8: Mở 15/11/2015 âm lịch, gồm 21 phần, Hải P1 đứng tên 01 phần (số thứ tự 17), hụi mùa 5.000.000 đồng (3 tháng khui một lần), hốt lần thứ 4, sau khi trừ đầu thảo đã giao hụi số tiền 55.850.000 đồng. Dây này còn nợ lại 15 lần chưa đóng tương ứng số tiền 75.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi ông H1 và bà P1 còn nợ là 183.000.000 đồng.

2/ *Đối với tiền vay*: Từ tháng 10/2015 đến tháng 02/2016, bà P1 và ông H1 có vay tổng cộng 04 lần. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Vay ngày 25/10/2015 âm lịch, vay 10.000.000 đồng, do ông H1 và bà P1 ký văn bản nhận nợ, do ông H1 viết nội dung văn bản nhận nợ. Có thỏa thuận lãi suất 500.000 đồng/tháng/10.000.000 đồng, nhưng bị đơn vẫn không đóng lãi, không xác định thời gian trả nợ. Hiện nay còn nợ lại 10.000.000 đồng.

- Lần 2: Vay ngày 30/11/2015 âm lịch, vay 40.000.000 đồng, do bà P1 viết nội dung văn bản nhận nợ, bà P1 có ký tên và ký thay cho ông H1 trong văn bản nhận nợ. Có thỏa thuận lãi suất 2.000.000 đồng/tháng/40.000.000 đồng, nhưng bị đơn vẫn không đóng lãi, không xác định thời gian trả nợ. Hiện nay còn nợ lại 40.000.000 đồng.

- Lần 3: Vay ngày 30/01/2016 âm lịch (tháng giêng âm lịch), vay 36.000.000 đồng, do ông H1 viết nội dung văn bản nhận nợ, ông H1 có ký tên trong văn bản nhận nợ. Trong văn bản nợ không thể hiện mức lãi suất nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 5%/tháng, nhưng bị đơn vẫn không đóng lãi, không xác định thời gian trả nợ. Hiện nay còn nợ lại 36.000.000 đồng (trong đó có 33.500.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi).

- Lần 4: Vay ngày 30/02/2016 âm lịch, vay 33.000.000 đồng, do ông H1 và bà P1 ký văn bản nhận nợ, do ông H1 viết nội dung văn bản nhận nợ. Có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, nhưng bị đơn vẫn không đóng lãi, không xác định thời gian trả nợ. Hiện nay còn nợ lại 33.000.000 đồng.

Mục đích nguyên đơn cho bị đơn vay tiền là do bị đơn tham gia nhiều dây hụi nhưng không có tiền để đóng lại hụi chết nên nguyên đơn (chủ hụi) đã cho bị đơn vay tiền để góp hụi, bị đơn thống nhất việc vay tiền nên mới đồng ý ký văn bản nhận nợ. Tổng cộng bị đơn còn nợ nguyên đơn 119.000.000 đồng tiền vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu bị đơn trả 101.000.000 đồng tiền hụi, số tiền chênh lệch 82.000.000 đồng nguyên đơn không yêu cầu; đối với tiền vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 116.500.000 đồng, không yêu cầu số tiền 2.500.000 đồng tiền lãi

suất đối với lần vay thứ 3. Như vậy, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tổng cộng 217.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Phú H1, bà Nguyễn Thị P cùng trình bày:

Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21/02/2023, bị đơn ông H1 và bà P có ý kiến là đối với dây hui 1, 2, 4, 5, 6 thì bị đơn không có tham gia. Đối với dây hui 3 bị đơn thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng. Đối với dây 7, bị đơn thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền 16.000.000 đồng. Đối với dây 8, bị đơn thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền 75.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn còn nợ nguyên đơn chỉ 03 dây hui số 3, dây 7 và dây 8 là 101.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông H1 và bà P thay đổi ý kiến thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hui là 101.000.000 đồng nên đồng ý trả số tiền này. Đối với tiền vay theo yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn không thống nhất, số tiền mà nguyên đơn yêu cầu thực chất là tiền hui chứ không phải tiền vay. Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 10/11/2023, ông H1 chỉ thừa nhận giấy nợ ngày 25/10/2015 âm lịch ông H1 có ký tên, 03 giấy nợ còn lại thì không phải là chữ ký ông H1. Đối với bà P thừa nhận giấy nợ ngày 25/10/2015 âm lịch và giấy nợ ngày 30/02/2016 âm lịch bà P có ký tên, các giấy nợ còn lại không phải là chữ ký bà P. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/7/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 và bà P thừa nhận 04 giấy nợ do nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký của ông H1 và bà P. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P và ông H1 nhận định chữ viết trong 04 giấy nợ nêu trên gần giống với chữ viết của ông H1 và bà P. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 và bà P không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong 04 giấy nợ nêu trên. Do đó, bà P và ông H1 chỉ thống nhất trả tiền hui cho bà H với tổng số tiền là 101.000.000 đồng, không thống nhất trả tiền vay theo 04 giấy nợ mà nguyên đơn cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị Đ trình bày: Trước đây, bà Đ có tham gia hui do bà Trần Ngọc H làm chủ, trong đó có dây hui bà Đ cho rằng ít số người tham gia, bà H có ghi tên bà Đ trong dây hui nhưng bà Đ cũng chưa đóng hui, bà Đ cũng không có thỏa thuận với ông Hải C bán phần hui này mà bà Đ có nói với bà H tự xử lý, bà Đ không có liên quan đến tiền hui của bà H và ông Hải C. Do thời gian đã lâu nên bà Đ không nhớ dây hui đó mở thời gian nào. Bà Đ xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc H .

[2] Buộc bị đơn ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Ngọc H tổng số tiền 217.500.000 đồng (Hai trăm mười

bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền hui là 101.000.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu đồng) và số tiền vay tài sản là 116.500.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc H về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P trả số tiền hui 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng) và số tiền vay tài sản là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2024, bị đơn ông Lê Phú H1, bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng ông H1, bà P không phải trả nợ vay 116.500.000 đồng cho bà Trần Ngọc H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải thanh toán đủ số tiền nợ hui là 101.000.000đồng và 116.500.000đồng tiền nợ vay theo các biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp.

Bị đơn trình bày: Đòi với các biên nhận mà nguyên đơn cung cấp về chữ ký thì đúng là của bị đơn nhưng chữ viết thì không phải. Tuy nhiên, bị đơn nhận là tiền chơi hui chứ không phải tiền vay nên không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu giám định chữ viết trong biên nhận mượn tiền nhưng khẳng định không có tiền để nộp chi phí giám định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền hui là 101.000.000đồng và 116.500.000đồng tiền nợ vay. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lê Phú H1, bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Bị đơn ông Lê Phú H1, bà Nguyễn Thị P kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng ông H1, bà P không phải trả nợ vay 116.500.000 đồng cho bà Trần Ngọc H.

Xét thấy, trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 giữa nguyên đơn bà Trần Ngọc H với bị đơn ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P có xác lập các giao dịch về hui và giao dịch vay tiền.

[2.1] Đối với số tiền hui nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 101.000.000 đồng, bị đơn thống nhất và đồng ý trả cho bị đơn. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền hui này, sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2.2] Đối với số tiền nợ vay: Theo nguyên đơn do không có tiền đóng hui cho nguyên đơn, nên bị đơn có vay 04 lần, theo 04 biên nhận nợ, cụ thể:

Lần 1: Vay ngày 25/10/2015 âm lịch, số tiền 10.000.000 đồng;

Lần 2: Vay ngày 30/11/2015 âm lịch, số tiền 40.000.000 đồng;

Lần 3: Vay ngày 30/01/2016 âm lịch, số tiền 36.000.000 đồng (trong đó có 33.500.000 đồng tiền vốn và 2.500.000 đồng tiền lãi);

Lần 4: Vay ngày 30/02/2016 âm lịch, số tiền 33.000.000 đồng.

Tất cả các biên nhận đều thể hiện lãi suất, nhưng không nêu thời hạn trả vốn và lãi. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm bị đơn thừa nhận các chữ ký trong 04 biên nhận nợ là của bị đơn và không có yêu cầu giám định. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng ký để hót hui, vì thời điểm này bị đơn không có khả năng đóng hui thì không thể tiếp tục vay tiền của nguyên đơn.

Qua đối chiếu những biên nhận do nguyên đơn cung cấp không thể hiện số tiền bị đơn nhận là tiền hui. Mặt khác các biên nhận có thể hiện lãi suất. Điều này chứng tỏ giao dịch hui và giao dịch vay tiền là hai giao dịch độc lập; nếu là nợ hui thì giữa nguyên đơn và bị đơn sẽ không đề cập đến lãi suất; đồng thời việc bị đơn cho rằng ký để hót hui cũng không phù hợp với số tiền mà bị đơn đã thừa nhận nợ hui nguyên đơn là 101.000.000 đồng, trong khi nguyên đơn đòi tiền vay là 116.500.000 đồng thể hiện trong các biên nhận nợ với nội dung bên bị đơn mượn

tiền và còn thiếu tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn là người khởi kiện đã xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh là 04 biên nhận nợ, có thể hiện lãi suất có chữ ký của bị đơn, bị đơn thừa nhận toàn bộ chữ ký trong các biên nhận nợ là của bị đơn nhưng cho rằng là ký để hốt hụi, thì nghĩa vụ chứng minh trong vụ án này là của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu giám định chữ viết trong các biên nhận nhưng khẳng định không có tiền để nộp chi phí tạm ứng. Mặt khác, dù chữ viết không phải của bị đơn, nhưng bị đơn thừa nhận những chữ ký trong biên nhận là do bị đơn ký ra thì việc giám định chữ viết cũng không chứng minh được bị đơn không thiếu nợ tiền vay của bị đơn. Xét quá trình giải quyết vụ án lời trình bày của bị đơn trước sau có nhiều mâu thuẫn, bị đơn cũng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền ký nhận là tiền hụi.

Do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng cộng số tiền nợ vay vốn 116.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Bị đơn kháng cáo, nhưng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015

Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Phú H1, bà Nguyễn Thị P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc H.

2. Buộc bị đơn ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Ngọc H tổng số tiền 217.500.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền hụi là 101.000.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu đồng) và số tiền vay tài sản là 116.500.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc H về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P trả số tiền hui 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng) và số tiền vay tài sản là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Ngọc H được nhận lại số tiền 7.750.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004530 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án thi xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; Bị đơn ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P phải chịu 10.875.000 đồng (mười triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Phú H1 và bà Nguyễn Thị P phải chịu mỗi người 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông H1, bà P đã đóng theo biên lai số 0008051 và biên lai số 0008052 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án thi xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 03/3/2025).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thủy – Phạm Văn Hùng

Mạc Thị Chiên

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên